

地区別収集曜日一覧

Lịch thu gom rác theo ngày ở mỗi khu vực

Main table with columns for collection area (収集地区), NO, and waste types (燃やすごみ, 燃やさないごみ, ペットボトル, 有害危険ごみ). It lists various districts like Aota, Ichinoya, Ushiro Hirai, etc., with their respective collection days and frequencies.

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。

※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ坪、東深井みどり台、東深井こもれび、ティリアテラス各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi, Thiria Terasu.

1 Nagareyama 5~9 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	プペ		燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	プペ		燃やす		
28	29	30				
	燃やす	プ				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			有危	燃やす		
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	プ×		燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	プペ	有危	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	プ×		燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	プペ		燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	プペ		燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	プペ		燃やす		
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	プペ		燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	プペ		燃やす		
28	29	30	31			
	燃やす	プ				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす	プペ		燃やす		
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす	プペ		燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	プペ		燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	プペ		燃やす		
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		プ×	有危	燃やす		
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす	プペ		燃やす		
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす	プペ		燃やす		
27	28	29	30	31		
	燃やす	プ		燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす	プペ		燃やす		
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす	プペ		燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	プペ		燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	プペ		燃やす		
29	30	31				
	燃やす	プ				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	プ×		燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	プペ	有危	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	プ×		燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	プペ		燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	プペ		燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす	プペ		燃やす		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	プペ		燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	プ×	有危	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	プペ		燃やす		
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

2 Nazukari

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 3tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×	燃やす		
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30	31			
	燃やす		プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす		プペ	燃やす		
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		有危	プ×	燃やす		
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす		プペ	燃やす		
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす		プペ	燃やす		
27	28	29	30	31		
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす		プペ	燃やす		
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

3 Matsugaoka 5~6 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×	燃やす		
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	有危	プ	燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
28	29	30	31			
	燃やす		プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす		プ×	燃やす		
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす		プ×	燃やす		
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす	有危	プペ	燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす		プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			プ×	燃やす		
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす		プ×	燃やす		
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
27	28	29	30	31		
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす		プ×	燃やす		
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす		プ×	燃やす		
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす	有危	プペ	燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす		プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	有危	プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	有危	プ	燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす	有危	プペ	燃やす		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	有危	プペ	燃やす		
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

4 Omoi・Omoi 1 Chome・Shibasaki・Naka・Furumagi・Miyazono 1～3 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 6tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×	燃やす		
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
28	29	30	31			
	燃やす		プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす		プ×	燃やす	有危	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす		プペ	燃やす		
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす		プ×	燃やす	有危	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			プ×	燃やす		
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす		プ×	燃やす		
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
27	28	29	30	31		
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす		プ×	燃やす	有危	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす		プペ	燃やす		
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす		プ×	燃やす	有危	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす		プペ	燃やす	有危	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす	有危	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

5 Ichinoya-Ushiro Hirai-Nonoshita 1 Chome-Mae Hirai

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×	燃やす		有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30	31			
	燃やす		プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		有危
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす		プ×	燃やす		
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす		プペ	燃やす		有危
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす		プ×	燃やす		
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす		プ×	燃やす		有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			プ×	燃やす		有危
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす		プペ	燃やす		
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす		プ×	燃やす		有危
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす		プペ	燃やす		
27	28	29	30	31		
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						有危
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす		プ×	燃やす		
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす		プペ	燃やす		有危
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす		プ×	燃やす		
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす		プ×	燃やす		有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

6 Nishi Matsugaoka 1 Chome・Matsugaoka 3~4 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 3tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				燃やす	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす			燃やす	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		有危		燃やす	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす			燃やす	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす			燃やす	プペ	
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす			燃やす	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	
	燃やす			燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

7 Matsugaoka 1~2 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				燃やす	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	有危		燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす			燃やす	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす			燃やす	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす	有危		燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
				燃やす	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす			燃やす	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす			燃やす	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす			燃やす	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす	有危		燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす	有危		燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす	有危		燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	
	燃やす	有危		燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす	有危		燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

8 Nishi Hirai・Nishi Hirai 1~3 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			有危	燃やす	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす			燃やす	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			有危	燃やす	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす			燃やす	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす			燃やす	プペ	
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす			燃やす	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	
	燃やす			燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

9 (Oaza) Hiregasaki・Hiregasaki・Hiregasaki 1~2 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 4tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	#N/A	#N/A	#N/A	燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				燃やす	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす			燃やす	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす			燃やす	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす		有危	燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
				燃やす	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす			燃やす	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす			燃やす	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす		有危	燃やす	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす			燃やす	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす		有危	燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	
	燃やす		有危	燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		有危	燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

10 Maegasaki・Mukaikogane 1 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				燃やす	プ×	有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	有危
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす			燃やす	プペ	
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす			燃やす	プ×	有危
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす			燃やす	プペ	
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす			燃やす	プ×	有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
				燃やす	プ×	有危
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす			燃やす	プペ	
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす			燃やす	プ×	有危
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす			燃やす	プペ	
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	有危
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす			燃やす	プペ	
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす			燃やす	プ×	有危
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす			燃やす	プペ	
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	燃やす			燃やす	プ×	有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	
	燃やす			燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

11 Mukaikogane 2~4 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 6 Thứ 6tuần 1・3 Thứ 6tuần 2・4 Thứ 7tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	有危
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	有危
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				燃やす	プ×	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	有危
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	有危
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	有危
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	有危
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす			燃やす	プペ	有危
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす			燃やす	プ×	
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす			燃やす	プペ	有危
28	29	30	31			
	燃やす					

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす	プ×	
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす			燃やす	プペ	有危
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす			燃やす	プ×	
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす			燃やす	プペ	有危
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	有危
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	有危
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
				燃やす	プ×	
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす			燃やす	プペ	有危
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす			燃やす	プ×	
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす			燃やす	プペ	有危
27	28	29	30	31		
	燃やす			燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					プ×	
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす			燃やす	プペ	有危
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす			燃やす	プ×	
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす			燃やす	プペ	有危
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす			燃やす	プ×	
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす			燃やす	プペ	有危
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす			燃やす	プ×	
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす			燃やす	プペ	有危
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす			燃やす	プペ	有危
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす			燃やす	プ×	
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす			燃やす	プペ	有危
26	27	28	29	30	31	
	燃やす			燃やす	プ	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	有危
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	有危
23	24	25	26	27	28	
	燃やす			燃やす	プペ	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす			燃やす	プ×	有危
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす			燃やす	プペ	
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす			燃やす	プ×	有危
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす			燃やす	プペ	
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

12 Higashi Hatsuishi 1~2 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	プベ	燃やす			燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	プベ	燃やす			燃やす	
28	29	30				
	プ	燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				有危	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	燃やす			燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	燃やす		有危	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	燃やす			燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	燃やす			燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	プベ	燃やす			燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	燃やす			燃やす	
28	29	30	31			
	プ	燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				有危	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
	プ×	燃やす			燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
	プペ	燃やす		有危	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
	プ×	燃やす			燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	燃やす			燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	燃やす			燃やす	
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		有危	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	燃やす			燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	燃やす		有危	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	燃やす			燃やす	
27	28	29	30	31		
	プペ	燃やす				

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	燃やす			燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	燃やす			燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	燃やす			燃やす	
29	30	31				
	プ	燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	燃やす			燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	燃やす		有危	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	燃やす			燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす		有危	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	燃やす			燃やす	
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

13 Higashi Hatsuishi 3~4 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được

Rác có dấu プラ (Pura)

Rác không cháy đ
ược

CHai nhựa PET

Rác nguy hiểm

燃やす
Thứ 3・6

プ
Thứ 2

×
Thứ 2tuần 1・3

ペ
Thứ 2tuần 2・4

有危
Thứ 7tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす			燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	プベ	燃やす			燃やす	有危
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	燃やす			燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	燃やす			燃やす	有危
28	29	30				
	プ	燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
					燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	燃やす			燃やす	有危
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	燃やす			燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	燃やす			燃やす	有危
26	27	28	29	30	31	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす			燃やす	有危
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす			燃やす	有危
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	燃やす			燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす			燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	燃やす			燃やす	有危
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	燃やす			燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	燃やす			燃やす	有危
28	29	30	31			
	プ	燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
	プ×	燃やす			燃やす	有危
11	12	13	14	15	16	17
	プペ	燃やす			燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
	プ×	燃やす			燃やす	有危
25	26	27	28	29	30	31
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす			燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	燃やす			燃やす	有危
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	燃やす			燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	燃やす			燃やす	有危
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす			燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	燃やす			燃やす	有危
13	14	15	16	17	18	19
	プペ	燃やす			燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	燃やす			燃やす	有危
27	28	29	30	31		
	プペ	燃やす				

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	燃やす			燃やす	有危
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	燃やす			燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	燃やす			燃やす	有危
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	燃やす			燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	燃やす			燃やす	有危
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	燃やす			燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	燃やす			燃やす	有危
29	30	31				
	プ	燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	燃やす			燃やす	有危
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	燃やす			燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	燃やす			燃やす	有危
26	27	28	29	30	31	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす			燃やす	有危
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす			燃やす	有危
23	24	25	26	27	28	
	プペ	燃やす			燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	燃やす			燃やす	有危
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	燃やす			燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	燃やす			燃やす	有危
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	燃やす			燃やす	
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

14 (Oaza) Nagareyama・Nonoshita 2~6 Chome・Minami Nagareyama 4~5 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 2tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ		燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ		燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×		燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ		燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ		燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ		燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす	プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす	プペ		燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ		燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ		燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす	プ×		燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす	プ×		燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす	プ			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす	プペ		燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ		燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ		燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	燃やす	プペ		燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ		燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

15 Ki 1~3 Chome・Minami Nagareyama 7~10 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	プ×		燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	プ×		燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×		燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	プ×		燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	プ×		燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす	プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす	プ×	有危	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす	プペ		燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす	プ×	有危	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	プ×		燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	プ×		燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす	プ×		燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす	プ×		燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす	プ			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす	プ×		燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす	プ×		燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす	プペ	有危	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	プ×		燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	プ×		燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす	プペ	有危	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ	有危	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

16 Nagasaki 1~2 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	プ×		燃やす	有危
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ		燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	プ×		燃やす	有危
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ		燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×		燃やす	有危
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	プペ		燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	有危
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	プペ		燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ		燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	プ×		燃やす	有危
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	プペ		燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	プ×		燃やす	有危
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	プペ		燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす	プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					燃やす	有危
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす	プ×		燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす	プペ		燃やす	有危
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす	プ×		燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	プ×		燃やす	有危
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ		燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	プ×		燃やす	有危
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ		燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす	プ×		燃やす	有危
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす	プペ		燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす	プ×		燃やす	有危
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす	プペ		燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす	プ			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	有危
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす	プ×		燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす	プペ		燃やす	有危
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす	プ×		燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	プ×		燃やす	有危
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	プペ		燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	プ×		燃やす	有危
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	プペ		燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	有危
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	プペ		燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	プ×		燃やす	有危
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	プペ		燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす	プ		燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす	プペ		燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	プ×		燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	プペ		燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	プ×		燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	プペ		燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

17 Minami Nagareyama 1 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 2tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす		プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす		プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす		プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

Rác cháy được

Rác có dấu プラ (Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

燃やす
Thứ 3・6

プ
Thứ 5

×
Thứ 5tuần 1・3

ペ
Thứ 5tuần 2・4

有危
Thứ 2tuần 2・4

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす		プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす		プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
	有危	燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす		プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす		プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
	有危	燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
	有危	燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			有危	プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす		プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす		プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

20 Aota・Komagidai・Mita

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được CHai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす		プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす		プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす	有危	プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす		プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす		プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす		プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす	有危	プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす	有危	プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

Rác cháy được

Rác có dấu プラ (Pura)

Rác không cháy được

Chai nhựa PET

Rác nguy hiểm

燃やす
Thứ 4・7

プ
Thứ 2

×
Thứ 2tuần 1・3

ペ
Thứ 2tuần 2・4

有危
Thứ 3tuần 1・3

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	有危	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	有危	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		燃やす			燃やす
28	29	30				
	プ					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす			燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	有危	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	有危	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	有危	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	有危	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×	有危	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×	有危	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		燃やす			燃やす
28	29	30	31			
	プ		燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
						燃やす
4	5	6	7	8	9	10
	プ×	有危	燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
	プペ		燃やす			燃やす
18	19	20	21	22	23	24
	プ×	有危	燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
	プペ		燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	有危	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	有危	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす			燃やす
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		有危	燃やす			燃やす
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
	プベ	有危	燃やす			燃やす
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
	プペ		燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
	プ×	有危	燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		燃やす			燃やす
17	18	19	20	21	22	23
	プ×	有危	燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×	有危	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×	有危	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす			燃やす
29	30	31				
	プ					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×	有危	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プベ		燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×	有危	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	有危	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	有危	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	
	プペ		燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×	有危	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×	有危	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす			燃やす
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

23 Edogawadai Nishi 1~4 Chome・Nishi Hatsuishi 1~2 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 3tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	有危	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	有危	燃やす			燃やす
28	29	30				
	プ					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす			燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	有危	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ	有危	燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	有危	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	有危	燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プペ	有危	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ	有危	燃やす			燃やす
28	29	30	31			
	プ		燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
						燃やす
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
	プペ	有危	燃やす			燃やす
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
	プペ	有危	燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	有危	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	有危	燃やす			燃やす
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			燃やす			燃やす
6	7	8	9	10	11	12
	プ×	有危	燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		燃やす			燃やす
20	21	22	23	24	25	26
	プ×	有危	燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
	プペ		燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
	プペ	有危	燃やす			燃やす
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
	プペ	有危	燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ	有危	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ	有危	燃やす			燃やす
29	30	31				
	プ					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ	有危	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ	有危	燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	有危	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	
	プペ	有危	燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ	有危	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ	有危	燃やす			燃やす
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

24 Edogawadai Higashi 1 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす	有危		燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす	有危		燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プベ		燃やす			燃やす
28	29	30				
	プ					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす	有危		燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		燃やす	有危		燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす	有危		燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす	有危		燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プベ		燃やす			燃やす
28	29	30	31			
	プ		燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				有危		燃やす
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
	プペ		燃やす	有危		燃やす
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
	プペ		燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす	有危		燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす	有危		燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす			燃やす
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			燃やす	有危		燃やす
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
	プベ		燃やす	有危		燃やす
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
	プペ		燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		燃やす	有危		燃やす
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		燃やす			燃やす
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		燃やす	有危		燃やす
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす	有危		燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす	有危		燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす			燃やす
29	30	31				
	プ					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プベ		燃やす	有危		燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	
	プペ		燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす			燃やす
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

25 Nakanokuki

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		燃やす	有危		燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		燃やす	有危		燃やす
28	29	30				
	プ					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす			燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす	有危		燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす	有危		燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす	有危		燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プペ		燃やす	有危		燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プペ		燃やす	有危		燃やす
28	29	30	31			
	プ		燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
						燃やす
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		燃やす	有危		燃やす
11	12	13	14	15	16	17
	プペ		燃やす			燃やす
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		燃やす	有危		燃やす
25	26	27	28	29	30	31
	プペ		燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす	有危		燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす	有危		燃やす
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			燃やす			燃やす
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		燃やす	有危		燃やす
13	14	15	16	17	18	19
	プペ		燃やす			燃やす
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		燃やす	有危		燃やす
27	28	29	30	31		
	プペ		燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
	プペ		燃やす	有危		燃やす
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
	プペ		燃やす	有危		燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
	プ×		燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プペ		燃やす	有危		燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プペ		燃やす	有危		燃やす
29	30	31				
	プ					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす	有危		燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プペ		燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす	有危		燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プペ		燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	
	プペ		燃やす	有危		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プペ		燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プペ		燃やす	有危		燃やす
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

26 (Oaza) Ka-Ka 1~6 Chome-Miwanoyama-Miwanoyama 1~5 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 2 Thứ 2tuần 1・3 Thứ 2tuần 2・4 Thứ 6tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす		有危	燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす		有危	燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プベ		燃やす			燃やす
28	29	30				
	プ					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす		有危	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プベ		燃やす		有危	燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プベ		燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プベ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プベ		燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす		有危	燃やす
7	8	9	10	11	12	13
	プベ		燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
	プ×		燃やす		有危	燃やす
21	22	23	24	25	26	27
	プベ		燃やす			燃やす
28	29	30	31			
	プ		燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					有危	燃やす
4	5	6	7	8	9	10
	プ×		燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
	プベ		燃やす		有危	燃やす
18	19	20	21	22	23	24
	プ×		燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
	プベ		燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす		有危	燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プベ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす		有危	燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プベ		燃やす			燃やす
29	30					
	プ					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			燃やす		有危	燃やす
6	7	8	9	10	11	12
	プ×		燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
	プベ		燃やす		有危	燃やす
20	21	22	23	24	25	26
	プ×		燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
	プベ		燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					有危	燃やす
3	4	5	6	7	8	9
	プ×		燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
	プベ		燃やす		有危	燃やす
17	18	19	20	21	22	23
	プ×		燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
	プベ		燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	プ×		燃やす		有危	燃やす
8	9	10	11	12	13	14
	プベ		燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
	プ×		燃やす		有危	燃やす
22	23	24	25	26	27	28
	プベ		燃やす			燃やす
29	30	31				
	プ					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
	プ×		燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
	プベ		燃やす		有危	燃やす
19	20	21	22	23	24	25
	プ×		燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
	プベ		燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プベ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	
	プベ		燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
	プ×		燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
	プベ		燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
	プ×		燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	29
	プベ		燃やす			燃やす
30	31					
	プ					

休: Ngày nghỉ

27 Edogawadai Higashi 2~4 Chome・Nagareyama 1~4 Chome・Heiwadai 1~5 Chome

Tiếng Việt

2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 5tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす	有危		燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす	有危		燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす			燃やす
28	29	30				
		プ				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす	有危		燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす	有危		燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす	有危		燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす	有危		燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす			燃やす
28	29	30	31			
		プ	燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				有危		燃やす
4	5	6	7	8	9	10
		プ×	燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
		プペ	燃やす	有危		燃やす
18	19	20	21	22	23	24
		プ×	燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす	有危		燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす	有危		燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす			燃やす
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		プ×	燃やす	有危		燃やす
6	7	8	9	10	11	12
		プペ	燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
		プ×	燃やす	有危		燃やす
20	21	22	23	24	25	26
		プペ	燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
		プ	燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
		プ×	燃やす	有危		燃やす
10	11	12	13	14	15	16
		プペ	燃やす			燃やす
17	18	19	20	21	22	23
		プ×	燃やす	有危		燃やす
24	25	26	27	28	29	30
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす	有危		燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす	有危		燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす			燃やす
29	30	31				
		プ				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす	有危		燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	
		プペ	燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす	有危		燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす	有危		燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす			燃やす
30	31					

休: Ngày nghỉ

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 4・7 Thứ 3 Thứ 3tuần 1・3 Thứ 3tuần 2・4 Thứ 5tuần 2・4

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす	有危		燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす	有危		燃やす
28	29	30				
		プ				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす			燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす	有危		燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす	有危		燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす	有危		燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす	有危		燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす	有危		燃やす
28	29	30	31			
		プ	燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
						燃やす
4	5	6	7	8	9	10
		プ×	燃やす	有危		燃やす
11	12	13	14	15	16	17
		プペ	燃やす			燃やす
18	19	20	21	22	23	24
		プ×	燃やす	有危		燃やす
25	26	27	28	29	30	31
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす	有危		燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす	有危		燃やす
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		プ×	燃やす			燃やす
6	7	8	9	10	11	12
		プペ	燃やす	有危		燃やす
13	14	15	16	17	18	19
		プ×	燃やす			燃やす
20	21	22	23	24	25	26
		プペ	燃やす	有危		燃やす
27	28	29	30	31		
		プ	燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
		プ×	燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
		プペ	燃やす	有危		燃やす
17	18	19	20	21	22	23
		プ×	燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
		プペ	燃やす	有危		燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす	有危		燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす	有危		燃やす
29	30	31				
		プ				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす	有危		燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす	有危		燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	
		プペ	燃やす	有危		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす	有危		燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす	有危		燃やす
30	31					

休: Ngày nghỉ

29 Konosudai・Higashi Fukai B (※2)

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được
燃やす
Thứ 4・7

Rác có dấu プラ
(Pura)
プ
Thứ 3

Rác không cháy được
×
Thứ 3tuần 1・3

Chai nhựa PET
ペ
Thứ 3tuần 2・4

Rác nguy hiểm
有危
Thứ 6tuần 1・3

5
2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす		有危	燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす		有危	燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす			燃やす
28	29	30				
		プ				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす		有危	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす		有危	燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす			燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす		有危	燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす			燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす		有危	燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす			燃やす
28	29	30	31			
		プ	燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
					有危	燃やす
4	5	6	7	8	9	10
		プ×	燃やす			燃やす
11	12	13	14	15	16	17
		プペ	燃やす		有危	燃やす
18	19	20	21	22	23	24
		プ×	燃やす			燃やす
25	26	27	28	29	30	31
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす		有危	燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす		有危	燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす			燃やす
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		プ×	燃やす		有危	燃やす
6	7	8	9	10	11	12
		プペ	燃やす			燃やす
13	14	15	16	17	18	19
		プ×	燃やす		有危	燃やす
20	21	22	23	24	25	26
		プペ	燃やす			燃やす
27	28	29	30	31		
		プ	燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					有危	燃やす
3	4	5	6	7	8	9
		プ×	燃やす			燃やす
10	11	12	13	14	15	16
		プペ	燃やす		有危	燃やす
17	18	19	20	21	22	23
		プ×	燃やす			燃やす
24	25	26	27	28	29	30
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす		有危	燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす			燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす		有危	燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす			燃やす
29	30	31				
		プ				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす			燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす		有危	燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす			燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	
		プペ	燃やす			

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす		有危	燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす			燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす		有危	燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす			燃やす
30	31					

休: Ngày nghỉ

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。 ※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ坪、東深井みどり台、東深井こもれび、ティリアテラス各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi, Thiria Terasu.

30 Higashi Fukai A (※1)

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được
燃やす
Thứ 4・7

Rác có dấu プラ
(Pura)
プ
Thứ 3

Rác không cháy được
×
Thứ 3tuần 1・3

Chai nhựa PET
ペ
Thứ 3tuần 2・4

Rác nguy hiểm
有危
Thứ 6tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす		有危	燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす		有危	燃やす
28	29	30				
		プ				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			燃やす			燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす		有危	燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす		有危	燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす		有危	燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす		有危	燃やす
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		プ×	燃やす			燃やす
7	8	9	10	11	12	13
		プペ	燃やす		有危	燃やす
14	15	16	17	18	19	20
		プ×	燃やす			燃やす
21	22	23	24	25	26	27
		プペ	燃やす		有危	燃やす
28	29	30	31			
		プ	燃やす			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
						燃やす
4	5	6	7	8	9	10
		プ×	燃やす		有危	燃やす
11	12	13	14	15	16	17
		プペ	燃やす			燃やす
18	19	20	21	22	23	24
		プ×	燃やす		有危	燃やす
25	26	27	28	29	30	31
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす		有危	燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす		有危	燃やす
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		プ×	燃やす			燃やす
6	7	8	9	10	11	12
		プペ	燃やす		有危	燃やす
13	14	15	16	17	18	19
		プ×	燃やす			燃やす
20	21	22	23	24	25	26
		プペ	燃やす		有危	燃やす
27	28	29	30	31		
		プ	燃やす			

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						燃やす
3	4	5	6	7	8	9
		プ×	燃やす		有危	燃やす
10	11	12	13	14	15	16
		プペ	燃やす			燃やす
17	18	19	20	21	22	23
		プ×	燃やす		有危	燃やす
24	25	26	27	28	29	30
		プペ	燃やす			燃やす

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		プ×	燃やす			燃やす
8	9	10	11	12	13	14
		プペ	燃やす		有危	燃やす
15	16	17	18	19	20	21
		プ×	燃やす			燃やす
22	23	24	25	26	27	28
		プペ	燃やす		有危	燃やす
29	30	31				
		プ				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	燃やす
5	6	7	8	9	10	11
		プ×	燃やす		有危	燃やす
12	13	14	15	16	17	18
		プペ	燃やす			燃やす
19	20	21	22	23	24	25
		プ×	燃やす		有危	燃やす
26	27	28	29	30	31	
		プペ	燃やす			

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす		有危	燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	
		プペ	燃やす		有危	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						燃やす
2	3	4	5	6	7	8
		プ×	燃やす			燃やす
9	10	11	12	13	14	15
		プペ	燃やす		有危	燃やす
16	17	18	19	20	21	22
		プ×	燃やす			燃やす
23	24	25	26	27	28	29
		プペ	燃やす		有危	燃やす
30	31					

休: Ngày nghỉ

※1 東深井Aは、東深井B以外の地区です。 ※1 Quận Higashi Fukai A khác với quận Higashi Fukai B.

※2 東深井Bは、大橋団地、オークタウン江戸川台、小田急江戸川台団地、星和江戸川台、TBSやよい団地、トーマン第3江戸川台、東急団地、中ノ坪、東深井みどり台、東深井こもれび、ティリアテラス各地区です。

※2 Quận Higashi Fukai B bao gồm khu chung cư Ohashi, Oaktown Edogawadai, khu chung cư Odakyu Edogawadai, Seiwa Edogawadai, khu chung cư TBS Yayoi, Tomen Dai-3 Edogawadai, khu chung cư Tokyu, Nakanotsubo, Higashi Fukai Midoridai, Higashi Fukai Komorebi, Thiria Terasu.

31 Otakanomori Kita 1~3 Chome・Otakanomori Higashi 1~4 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 4tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			有危	プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす		プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす	有危	プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす		プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
1	2	3	4	5	6	7
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす	有危	プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

32 Otakanomori Nishi 1~2 Chome・Otakanomori Minami 2~3 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 2・5 Thứ 4 Thứ 4tuần 1・3 Thứ 4tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30				
	燃やす					

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			プ×	燃やす		有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
7	8	9	10	11	12	13
	燃やす		プペ	燃やす		
14	15	16	17	18	19	20
	燃やす		プ×	燃やす		有危
21	22	23	24	25	26	27
	燃やす		プペ	燃やす		
28	29	30	31			
	燃やす		プ			

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				燃やす		有危
4	5	6	7	8	9	10
	燃やす		プ×	燃やす		
11	12	13	14	15	16	17
	燃やす		プペ	燃やす		有危
18	19	20	21	22	23	24
	燃やす		プ×	燃やす		
25	26	27	28	29	30	31
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30					
	燃やす					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
			プ×	燃やす		有危
6	7	8	9	10	11	12
	燃やす		プペ	燃やす		
13	14	15	16	17	18	19
	燃やす		プ×	燃やす		有危
20	21	22	23	24	25	26
	燃やす		プペ	燃やす		
27	28	29	30	31		
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
						有危
3	4	5	6	7	8	9
	燃やす		プ×	燃やす		
10	11	12	13	14	15	16
	燃やす		プペ	燃やす		有危
17	18	19	20	21	22	23
	燃やす		プ×	燃やす		
24	25	26	27	28	29	30
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
	燃やす		プ×	燃やす		有危
8	9	10	11	12	13	14
	燃やす		プペ	燃やす		
15	16	17	18	19	20	21
	燃やす		プ×	燃やす		有危
22	23	24	25	26	27	28
	燃やす		プペ	燃やす		
29	30	31				
	燃やす					

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	有危
5	6	7	8	9	10	11
	燃やす		プペ	燃やす		
12	13	14	15	16	17	18
	燃やす		プ×	燃やす		有危
19	20	21	22	23	24	25
	燃やす		プペ	燃やす		
26	27	28	29	30	31	
	燃やす		プ	燃やす		

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	
	燃やす		プペ	燃やす		

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
	燃やす		プ×	燃やす		
9	10	11	12	13	14	15
	燃やす		プペ	燃やす		有危
16	17	18	19	20	21	22
	燃やす		プ×	燃やす		
23	24	25	26	27	28	29
	燃やす		プペ	燃やす		
30	31					
	燃やす					

休: Ngày nghỉ

33 Otakanomori Nishi 3~4 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dấu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 2tuần 2・4

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				プ×	燃やす	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
7	8	9	10	11	12	13
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	
21	22	23	24	25	26	27
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす		プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす		プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		プ×	燃やす	
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
	有危	燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす		プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす		プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
	有危	燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	
8	9	10	11	12	13	14
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	
22	23	24	25	26	27	28
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
	有危	燃やす		プ×	燃やす	
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
	有危	燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
	有危	燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
	有危	燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ

34 Otakanomori Minami 1 Chome

Tiếng Việt
2024

Rác cháy được Rác có dầu プラ (Pura) Rác không cháy được Chai nhựa PET Rác nguy hiểm

燃やす プ × ペ 有危

Thứ 3・6 Thứ 5 Thứ 5tuần 1・3 Thứ 5tuần 2・4 Thứ 7tuần 1・3

2025

Tháng Tư

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	有危
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	有危
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30				
		燃やす				

Tháng Năm

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
				プ×	燃やす	有危
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	有危
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Sáu

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30						

Tháng Bảy

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	有危
7	8	9	10	11	12	13
		燃やす		プペ	燃やす	
14	15	16	17	18	19	20
		燃やす		プ×	燃やす	有危
21	22	23	24	25	26	27
		燃やす		プペ	燃やす	
28	29	30	31			
		燃やす				

Tháng Tám

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
				1	2	3
				プ×	燃やす	有危
4	5	6	7	8	9	10
		燃やす		プペ	燃やす	
11	12	13	14	15	16	17
		燃やす		プ×	燃やす	有危
18	19	20	21	22	23	24
		燃やす		プペ	燃やす	
25	26	27	28	29	30	31
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Chín

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	有危
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	有危
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30					

Tháng Mười

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
		1	2	3	4	5
		燃やす		プ×	燃やす	有危
6	7	8	9	10	11	12
		燃やす		プペ	燃やす	
13	14	15	16	17	18	19
		燃やす		プ×	燃やす	有危
20	21	22	23	24	25	26
		燃やす		プペ	燃やす	
27	28	29	30	31		
		燃やす		プ		

Tháng Mười Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
					1	2
					燃やす	有危
3	4	5	6	7	8	9
		燃やす		プ×	燃やす	
10	11	12	13	14	15	16
		燃やす		プペ	燃やす	有危
17	18	19	20	21	22	23
		燃やす		プ×	燃やす	
24	25	26	27	28	29	30
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Mười Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
	1	2	3	4	5	6
		燃やす		プ×	燃やす	有危
8	9	10	11	12	13	14
		燃やす		プペ	燃やす	
15	16	17	18	19	20	21
		燃やす		プ×	燃やす	有危
22	23	24	25	26	27	28
		燃やす		プペ	燃やす	
29	30	31				
		燃やす				

Tháng Một

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1	2	3	4
			休	休	休	有危
5	6	7	8	9	10	11
		燃やす		プペ	燃やす	
12	13	14	15	16	17	18
		燃やす		プ×	燃やす	有危
19	20	21	22	23	24	25
		燃やす		プペ	燃やす	
26	27	28	29	30	31	
		燃やす		プ	燃やす	

Tháng Hai

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	
		燃やす		プペ	燃やす	

Tháng Ba

CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
						1
						有危
2	3	4	5	6	7	8
		燃やす		プ×	燃やす	
9	10	11	12	13	14	15
		燃やす		プペ	燃やす	有危
16	17	18	19	20	21	22
		燃やす		プ×	燃やす	
23	24	25	26	27	28	29
		燃やす		プペ	燃やす	
30	31					

休: Ngày nghỉ